

BỘ TƯ PHÁP

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 298/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2023
cho các tập thể thuộc khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2023 cho 154 tập thể thuộc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (có tên trong danh sách kèm theo).

Tiền thưởng cho các tập thể thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp và Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCCB.



BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ KHỐI CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU “TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC”
NĂM 2023

*(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-BTP ngày 22 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

KHU VỰC THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

I. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (02)

1. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
2. Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

II. THÀNH PHỐ HÀ NỘI (05)

3. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
4. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội;
5. Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
6. Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội;
7. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

III. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (04)

8. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
9. Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng;
10. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;
11. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

IV. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (05)

12. Phòng Nghiệp vụ 2, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
13. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
14. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;
15. Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;
16. Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

KHU VỰC TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC

I. TỈNH BẮC GIANG (03)

17. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
18. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
19. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. ✓

**II. TỈNH BẮC KẠN (02)**

20. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn;

21. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

III. TỈNH HÒA BÌNH (03)

22. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình;

23. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

24. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

IV. TỈNH PHÚ THỌ (03)

25. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;

26. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

27. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

V. TỈNH TUYÊN QUANG (03)

28. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;

29. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;

30. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

VI. TỈNH THÁI NGUYÊN (01)

31. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

VII. TỈNH YÊN BÁI (02)

32. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;

33. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

KHU VỰC MIỀN NÚI BIÊN GIỚI PHÍA BẮC**I. TỈNH CAO BẰNG (02)**

34. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

35. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

II. TỈNH HÀ GIANG (01)

36. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

III. TỈNH LAI CHÂU (03)

37. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;

38. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;

39. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. ✓

IV. TỈNH LẠNG SƠN (02)

40. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;

41. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

V. TỈNH LÀO CAI (01)

42. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

KHU VỰC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**I. TỈNH NAM ĐỊNH (02)**

43. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

44. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

II. TỈNH VĨNH PHÚC (02)

45. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;

46. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

III. TỈNH THÁI BÌNH (02)

47. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;

48. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

IV. TỈNH HẢI DƯƠNG (02)

49. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương;

50. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

V. TỈNH QUẢNG NINH (02)

51. Phòng Tài chính Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;

52. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

VI. TỈNH HÀ NAM (02)

53. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;

54. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

VII. TỈNH HƯNG YÊN (03)

55. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;

56. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;

57. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

VIII. TỈNH BẮC NINH (02)

58. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;

59. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. *na*

IX. TỈNH NINH BÌNH (01)

60. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ**I. TỈNH HÀ TĨNH (04)**

61. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;

62. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;

63. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;

64. Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

II. TỈNH NGHỆ AN (06)

65. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

66. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

67. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An;

68. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;

69. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;

70. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

III. TỈNH QUẢNG BÌNH (01)

71. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

IV. TỈNH QUẢNG NAM (05)

72. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;

73. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

74. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam;

75. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

76. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

V. TỈNH QUẢNG NGÃI (03)

77. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

78. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

79. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

VI. TỈNH QUẢNG TRỊ (03)

80. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;

81. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị;

82. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. *nl*

VII. TỈNH THANH HÓA (06)

83. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
84. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
85. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
86. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
87. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;
88. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

VIII. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (03)

89. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
90. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
91. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

KHU VỰC NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

I. TỈNH BÌNH ĐỊNH (03)

92. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
93. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
94. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

II. TỈNH ĐẮK LẮK (03)

95. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk;
96. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk;
97. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

III. TỈNH GIA LAI (04)

98. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
99. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai;
100. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
101. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

IV. TỈNH KHÁNH HÒA (04)

102. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
103. Phòng Tài chính kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.
104. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa;
105. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

V. TỈNH KON TUM (03)

106. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum; *m*

107. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum;

108. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

VII. TỈNH PHÚ YÊN (02)

109. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên;

110. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

KHU VỰC THI ĐUA MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

I. TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU (03)

111. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

112. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

113. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

II. TỈNH BÌNH DƯƠNG (01)

114. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

III. TỈNH BÌNH PHƯỚC (03)

115. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;

116. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

117. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

IV. TỈNH BÌNH THUẬN (01)

118. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

V. TỈNH ĐỒNG NAI (03)

119. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;

120. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

121. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

VI. TỈNH NINH THUẬN (01)

122. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

VII. TỈNH TÂY NINH (01)

123. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ

I. TỈNH AN GIANG (03)

124. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

125. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

126. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. *W*

II. TỈNH BẠC LIÊU (01)

127. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

III. TỈNH BẾN TRE (02)

128. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
129. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

IV. TỈNH CÀ MAU (01)

130. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;

V. TỈNH ĐỒNG THÁP (04)

131. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
132. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
133. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
134. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

VI. TỈNH HẬU GIANG (02)

135. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang;
136. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

VII. TỈNH KIÊN GIANG (03)

137. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
138. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
139. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

VIII. TỈNH LONG AN (05)

140. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;
141. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.
142. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
143. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An;
144. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

IX. TỈNH SÓC TRĂNG (03)

145. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
146. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
147. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

X. TỈNH TIỀN GIANG (03)

148. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

149. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

150. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

XI. TỈNH TRÀ VINH (02)

151. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

152. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

XII. TỈNH VĨNH LONG (02)

153. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

154. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số: 154 tập thể./. *ml*✓